

Sự biến đổi của cơ cấu nghề nghiệp và phân tầng mức sống ở nông thôn đồng bằng sông Hồng

ĐỖ THIÊN KÍNH

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng cũng như trong phạm vi cả nước đang diễn ra nhiều thay đổi về kinh tế - xã hội. Chẳng hạn đã là những biến động về cơ cấu dân số, cơ cấu nghề nghiệp - lao động, cơ cấu kinh tế, cơ cấu nhóm thu nhập (giàu - nghèo)... Trong bài viết này chúng tôi muốn trình bày sự tương quan giữa cơ cấu nghề nghiệp và phân tầng mức sống ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng hiện nay.

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, hiện nay ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng đang hình thành 3 loại hộ nghề nghiệp: - Hộ thuần nông, - hộ kinh tế hỗn hợp (tức là nghề nông kết hợp với nghề phi nông) ; - Hộ phi nông hoàn toàn. Trong ba loại hộ này, nhóm hộ kinh tế hỗn hợp chiếm phần lớn. Nhóm hộ phi nông hoàn toàn là nhỏ nhất.

Bảng 1: Tỷ lệ giữa các loại hộ

	Nghề nghiệp	%
Nhóm hộ I	Thuần nông	30-40
Nhóm hộ II	Hỗn hợp	50-60
Nhóm hộ III	Phi nông	5-10

Nguồn: Tổng hợp số liệu của ban Nông nghiệp Trung ương + điều tra 12 xã của Bộ lao động - thương binh và xã hội và của Văn Xã hội học (Trích lại từ cuốn: "Kết quả nghiên cứu đề tài tiềm năng: Học tập, vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học nông thôn", 1993, Viện Xã hội học, phần 1, trang 112)

Quá trình phân hóa nghề nghiệp trên đang diễn ra theo chiều hướng giảm thuần nông, tăng hộ kinh tế hỗn hợp để tiến tới tăng phi nông hoàn toàn. Ví dụ sau 5 năm đổi mới (1988-1993), nhóm thuần nông ở Ninh Hiệp (Gia Lâm - Hà Nội) giảm còn một nửa, ở Văn Môn (Yên Phong - Hà Bắc) giảm được 1/3⁽⁺⁾. Điều này phù hợp với xu thế chung của nghề nông trên thế giới. Khâu ở giữa (nông nghiệp + phi nông) là hình thức trung chuyển quá độ khâu này chưa đủ sức chuyên môn hóa nghề nghiệp để chuyển sang phi nông hoàn toàn. Quá trình chuyển biến này đang hết sức khó khăn đã khiến cho xu hướng nghề nghiệp kết hợp giữa nông nghiệp + phi nông nghiệp đang phát triển mạnh. Đây cũng là sự cơ động nghề nghiệp giữa các tầng lớp trong xã hội.

Đỗ Thiên Kính 69

(+). Nguồn: Đã dẫn ở bảng 1, trang 32.

Khi đem đối sánh giữa 3 nhóm hộ nghề nghiệp với ba nhóm hộ thu nhập (nhóm *giàu nhất*: hộ loại I; nhóm *trung bình*: hộ loại III; nhóm *nghèo nhất*: hộ loại V), ta thấy bất kỳ nhóm hộ nghề nghiệp nào cũng có 3 mức giàu - trung bình - nghèo tương ứng. Nhưng tương quan giàu - nghèo - ở từng nhóm hộ nghề nghiệp có khác nhau.

Bảng 2: Tương quan giữa ngành nghề và thu nhập của hộ nông dân năm 1989

Mức độ thu nhập	Tổng số	Hộ loại I	Hộ loại II	Hộ loại III	Hộ loại IV	Hộ loại V
Hộ thuần nông	100	5,78	8,71	25,44	48,08	11,99
Hộ kiêm ngành nghề	100	11m97	13,75	29,48	41,48	3,32
Hộ chuyên ngành nghề	100	29,17	19,05	25,59	22,02	4,17

Nguồn: Nguyễn Sinh Cúc - *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam 1976-1990*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 1991, trang 74.

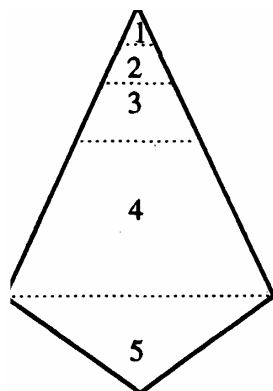
Riêng về thu nhập, tỉ lệ giữa các loại hộ trên ở Đồng bằng sông Hồng năm 1990 là:

Bảng 3: Cơ cấu thu nhập của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 1990

	Bình quân thu nhập (Khẩu/năm)	%
Hộ loại I	800.000 d	2,6
Hộ loại II	600.000-800000 d	3,4
Hộ loại III	400.000-600.000 d	7,7
Hộ loại IV	200000-400.000 d	49,6
Hộ loại V	200.000 d	36,7

Nguồn: *Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956-1990)*. Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội-1991, trang 596

Thể hiện nhóm số liệu trên qua hình vẽ ta có sơ đồ thu nhập ở vùng Đồng bằng sông Hồng năm 1990 như sau:



Hình 1. Sơ đồ thu nhập ở Đồng bằng sông Hồng (1990)

Đến năm 1992¹, tỉ lệ thu nhập giữa các loại hộ ở Dạng bằng sông Hồng đã có thay đổi là:

- + Hộ giàu 5%
- + Hộ trung bình 65%
- + Hộ nghèo 30%

Như vậy, so với năm 1990, đến nay tỷ lệ hộ nghèo dưới đáy của vùng này đã giảm, tỉ lệ hộ giàu tăng lên. nhưng xu thế về tỉ lệ *kết cấu* của dãy số để tạo nên hình vẽ minh họa về thu nhập cho chúng thì hầu như chưa thay đổi. Do đó sơ đồ cấu trúc về phân tầng thu nhập có thể được coi như là cũ.

Mức thu nhập trung bình của hộ giàu Đồng bằng sông Hồng năm 1992 là trên 2 triệu đồng/khẩu/năm; còn hộ nghèo dưới 15 kg gạo/khẩu tháng. Trong số hộ nghèo có khoảng 5-10% vào loại nghèo. Chênh lệch giàu-nghèo ở Dạng bằng sông Hồng ngày càng tăng, hiện nay đã tới 15 lần:

Bảng 4: Thu nhập bình quân của hộ giàu và hộ nghèo ở một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng (năm 1992)

Tỉnh	Hộ giàu (người/năm)	Hộ nghèo (người/năm)	Chênh lệch
Nam Hà	2520.300 d	291548 d	8,6 lần
Hải Hưng	4.460.300 d	201.804 d	22,1
Hải Phòng	3367.600 d	259.572 d	13,0

Nguồn: *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội - 1993: Biểu số 22+159+103+168.

Nhìn trở lại vào bảng 2 ở trên, ta thấy sự tương quan sau: ở nhóm hộ thuần nông, con số phần trăm biểu thị hộ loại I (giàu nhất) là rất nhỏ (5,78%). Dãy số này có xu hướng *tăng dần* ở các nhóm hộ đứng sau. Ngược lại, ở nhóm hộ phi nông hoàn toàn, con số phần trăm biểu thị hộ loại I là lớn nhất (29,17%). Dãy số này có xu hướng *giảm dần* ở các nhóm hộ đứng sau. ở nhóm hộ nông nghiệp + phi nông có thể coi là trung gian.

Khi nhìn theo mức thu nhập của từng loại hộ, ta cũng thấy sự tương quan khác: Hộ loại I có con số phần trăm lớn nhất ở nhóm phi nông hoàn toàn và nhỏ nhất ở nhóm thuần nông. Ngược lại, hộ loại V có con số phần trăm lớn nhất ở nhóm thuần nông và nhỏ hơn nhiều ở nhóm phi nông hoàn toàn (chuyên ngành nghề). Các nhóm hộ loại II, III, IV cũng có xu hướng tương quan như vậy.

Cuộc khảo sát ở Văn Môn (Yên Phong - Hà Bắc) năm 1992 cũng cho kết quả tương tự:

Đỗ Thiên Kính 71

Bảng 5: Tương quan giữa mức sống và nghề nghiệp của các hộ gia đình xã Văn Môn

¹. Số liệu năm 1992 mà chúng tôi đưa ra ở đây là căn cứ vào những tài liệu sau:

- a) *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội -1993, trang 362.
- b) *Đói nghèo ở Việt Nam - Một số kết quả nghiên cứu của ngành lao động, thương binh và xã hội*, Hà Nội - 1993. 163 trang.
- c) Phân cực đời sống ở nông thôn Nam Hà: Báo *Nhân dân* ngày 18.11.1992.
- d) Những nhân tố mới trong kinh tế và xã hội nông thôn; Báo *Nhân dân* ngày 25.12.1992.

Loại hộ	Mức sống	Giàu có	Khá giả	Trung bình	Thiếu ăn	Nghèo đói
Hộ thuần nông		0,5	7,1	71,7	18,5	2,2
Nông nghiệp + Phi nông	Phi nông	3,3	16,5	72,5	7,7	0,0
Phi nông		8,0	28,0	64,0	0,0	0,0

Nguồn: Đã dẫn ở bảng 1, trang 34+35.

Như vậy, qua hai bảng 2 và 5 ta thấy tỉ trọng trong hộ thuần nông là hộ nghèo thường lớn hơn so với hai loại hộ kia. Ngược lại, tỉ trọng những hộ phi nông và hỗn hợp là hộ giàu thường lớn hơn hẳn so với hộ thuần nông.

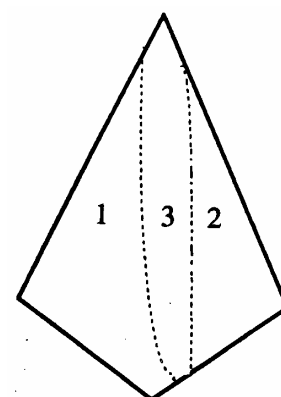
Ta có thể minh họa sự phân hóa nghề nghiệp vào sơ đồ thu nhập như sau:

Hình 2: Phân hóa xã hội theo nghề nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng

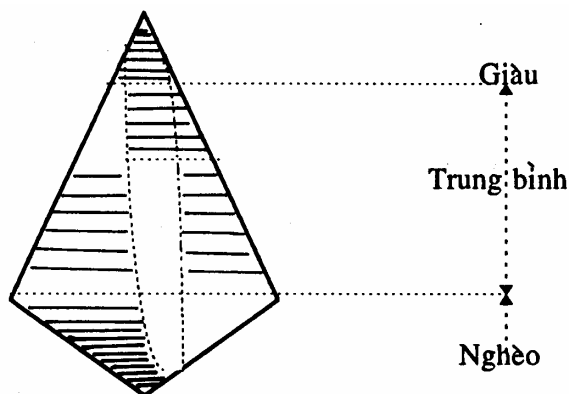
1- Nhóm thuần nông: đầu trên nghèo thì nhỏ, dưới nghèo thì to.

2- Nông nghiệp + Phi nông

3- Phi nông hoàn toàn: đầu trên giàu thì to, dưới nghèo thì nhỏ (ngược lại hoàn toàn với nhóm thuần nông).



Hình 2



Hình 3

Kết hợp hình 1 và hình 2, cũng đồng thời là sự phân tầng mức sống theo góc nhìn nghề nghiệp, ta có trình sau: hình 3: hình vẽ kết hợp giữa hình 1 và hình 2 tạo thành hình tổng hợp về phân tầng mức sống dưới góc nhìn nghề nghiệp.

Nhìn vào hình 3 ta thấy: Khi kết hợp 3 nhóm hộ nghề nghiệp với 3 nhóm hộ thu nhập, ta có 9 nhóm hộ:

Mức sống \ Loại hộ	Giàu (x)	Trung bình (y)	Nghèo (z)
Thuần nông (a)	ax	ay	az
Nông nghiệp + Phi nông (b)	bx	by	bz
Phi nông (c)	cx	cy	cz

Trong đó có 3 nhóm hộ nổi trội. Trên hình 3 chúng chiếm diện tích nhiều nhất. Đó là ba phần gạch sọc (xem lại hình 3). Ba phần gạch sọc trên hình 3 tương ứng với những phần gạch sọc ở bảng trên:

- Nhóm thuần nông + nghèo: cả phần az tiến dần đến nửa phần ay.
- Nhóm nông nghiệp + phi nông + trung bình: by
- Nhóm phi nông hoàn toàn + giàu: cả phần cx tiến dần đến nửa phần cy.

Đó cũng là 3 nhóm xã hội *chủ yếu* được phân tầng trong xã hội nông thôn ngày nay.

Những phần diện tích nhỏ còn lại của hình 3 trong tương lai sẽ chuyển hóa vào 3 nhóm trên. Sự biến động giữa các tầng lớp xã hội luôn luôn xảy ra. Nhóm cũ mất đi, nhóm mới hình thành và phát triển. Xã hội luôn luôn vận động và biến đổi.

Tóm lại, ta có 3 nhóm hộ chính như sau:

- 1) Nhiều hộ phi nông thường là hộ giàu
- 2) Nhiều hộ kinh tế hỗn hợp thường là giàu, khá giả hoặc chí ít cũng ở mức trung bình.
- 3) Rất nhiều hộ thuần nông thường là thiếu ăn, nghèo đói.

Nếu đem so sánh với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng ta thấy: số hộ cổ làm ngành nghề hỗn hợp ở Đồng bằng sông cửu Long chỉ chiếm 29,15%⁽²⁾. (Trong khi đó, ở Đồng bằng sông Hồng nhóm hộ này là lớn nhất), số người chuyên làm ruộng chiếm tuyệt đại đa số dân cư, xu hướng chuyên canh lúa tiếp tục được củng cố⁽³⁾. Điều này dẫn đến tỉ lệ thu nhập từ ngành nghề tiểu thủ công của cư dân Đồng bằng sông Hồng cũng lớn hơn của cư dân Dục bằng sông Cửu Long:

Bảng 6. Thu nhập từ thủ công nghiệp

	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Thủ công nghiệp (%)	6,57	4,86

Nguồn: Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 - 1990) Nhà xuất bản nông kê, Hà Nội - 1991, trang 596.

⁽²⁾, ⁽³⁾ Dự án quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long (VIE 87/031), Tổ kinh tế - xã hội - Phúc trình phân tích cuộc điều tra kinh tế - xã hội - nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long - tháng 7.1991; trang 30+ 41.

Như vậy có thể khẳng định rằng: phương hướng làm giàu ở vùng Đồng bằng sông Hồng là nền phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, còn ở Đồng bằng sông Cửu Long nên phát triển mạnh về nông nghiệp.

Cuối cùng, chúng ta có một cái nhìn toàn cảnh về ba nhóm hộ *chủ yếu* ở vùng Đồng bằng sông Hồng như sau: Nhóm hộ giàu là nhóm đã phát triển sản xuất hàng hóa, nhạy hên với thị trường. Mức sống tương đối cao (có hộ thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm). Họ thường phát triển ngành nghề kinh doanh tổng hợp, hoặc phi nông hoàn toàn. 91% số hộ có nhà cửa kiên cố khang trang đồ dùng đắt tiền, có giá trị lớn. Cơ cấu chi tiêu của hộ giàu đã có sự thay đổi theo chiều hướng tiến bộ: chi cho nhu cầu lương thực đã giảm còn 36,7%, chi cho thức ăn đã tăng lên tới 37,9%. Các chi tiêu về học hành, chữa bệnh cũng chiếm tỉ lệ cao hơn trước. Đặc biệt nhóm hộ này có giá trị công trình phục vụ sản xuất cao (ở Nam Hà là 5,5 triệu đồng, ở Hải Phòng là 8,8 triệu - con số chung của cả nước là 8 triệu) Nhóm hộ này phần lớn tập trung ở vùng ven thị hoặc các khu vực kinh tế hàng hóa phát triển (ven đường giao thông, chợ buôn bán...). Nhóm hộ này đang đóng vai trò "đầu tàu kinh tế" để đưa sức sống của toàn vùng nông thôn lên cao.

Nhóm hộ trung bình có thu nhập vào loại đủ ăn, đủ mặc. Bước đầu đã có tích lũy chút ít và chuyển sang tái sản xuất mở rộng. Nhóm này đang có sự phân hóa: một số phát triển lên nhóm trên, một số lại nghèo đi vì thu nhập chưa ổn định. Họ làm nghề thuần nông là chính và kết hợp với những việc làm ngành nghề phi nông nghiệp. Thường sống rải rác đều khắp các vùng trong nông thôn.

Nhóm hộ nghèo có mức sống thấp nhất trong vùng, trong đó có khoảng 5- 10% số hộ quá nghèo, thuộc loại thiếu đói (đói ăn từ 3-6 tháng/năm; dưới mức 8 kg gạo/tháng/người). Thu nhập dành cho ăn không đủ. Do vậy, cơ cấu chi tiêu rất đơn giản, dành cho ăn gần hết. Không có tích lũy và lại càng không có giá trị gì đáng kể về công trình phục vụ sản xuất. Bình quân 10 hộ mới có 1 con trâu bò cày kéo và 3 chiếc cày bừa. Nhà ở phần lớn là nhà tranh vách đất. Tỉ lệ hộ dân nghèo có nhà gạch ở vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm khoảng 40% so với nhà ở của dân nghèo. Còn 60% là nhà tranh vách đất (con số chung của dân nghèo cả nước là 15,7% có nhà ngói; 72,6% nhà tranh vách đất; 11,7% số hộ sống bằng các lều lán tạm). ở Nam Hà, tỉ lệ hộ nghèo có nhà ngói là 19,6%, nhà tranh vách đất: 76,0%, ở lều lán tạm 4,4%. Ở Hải Hưng, tỉ lệ tương ứng là 18,2%; 75,8% và 6,0%.

Về đồ dùng gia đình của hộ nghèo cũng rất thiếu thốn: mỗi hộ chỉ có 1 giường gỗ hoặc giường tre, 70% số hộ không có xe đạp để đi lại. Nhóm hộ này sống bằng nghề thuần nông, (thường độc canh lúa, năng suất thấp) và tập trung ở vùng nông thôn thuần túy. Trình độ sản xuất là tự cấp tự túc và có thể còn ở mức tự nhiên "nhờ trời".

*

* *

1. Qua sự khảo sát phân tầng mức sống dưới góc độ nghề nghiệp ta thấy: đang có quá trình di chuyển lao động từ thuần nông sang nông nghiệp + phi nông và tiến tới phi nông hoàn toàn. Quá trình này diễn ra hết sức chậm chạp và khó khăn, gây ra một sự ứ thừa lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Thêm vào đó là những cán bộ giảm biên chế, bộ đội xuất ngũ... trở về nông thôn càng làm tăng thêm lượng thừa lao động ở đây. Đến đây, phải đòi

hỏi ở cấp quản lý vĩ mô có kế hoạch chung. Sơ bộ có thể giải quyết số lao động thừa theo hướng phát triển công nghiệp nông thôn, chế biến nông sản, dịch vụ, phát triển ngành nghề phi nông nghiệp truyền thống vốn là thế mạnh trong vùng. Đồng thời có chính sách thu hút việc làm từ các thành phố, không để tình trạng di chuyển lao động thừa tự do từ nông thôn ra thành thị như hiện nay.

2. Cần phải tác động để quá trình chuyển biến cơ cấu nghề nghiệp theo hướng giảm thuần nông, tăng phi nông diễn ra được nhanh hơn. Căn bản là phải tác động vào cái gốc rễ kinh tế cuối cùng là sở hữu tài sản. Ví dụ cần có những chính sách cho ruộng đất được tích tụ, huy động được vốn để phát triển những doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn... Tóm lại, phải có sự thay đổi cơ bản trong đường lối để khai thác tối đa khả năng sinh lợi của tài sản.



Tọa đàm về vấn đề phát triển kinh tế và sự biến đổi mức sinh từ nông thôn Nam Hà

